

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HS-ST

Ngày: 25-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Gấm

Ông Trần Văn Đức; nghề nghiệp: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện V.

Bà Trần Thị Thuận; nghề nghiệp: Giáo viên, Hiệu trưởng trường trung học cơ sở thị trấn G, huyện V.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trọng Tuệ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 52/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2021/QĐXXST - HS ngày 12 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Đỗ Dương T; sinh ngày 01-9-2005 tại Nam Định.

Nơi cư trú tại: Đội 8, thôn P, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: Đang học lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn B, sinh năm 1971 và bà Lê Thị L, sinh năm 1984; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15-9-2021 cho đến nay. (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Chị Lê Thị L; sinh năm 1984; nơi cư trú: Đội 8, thôn P, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Thị N - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Sở Tư pháp tỉnh Nam Định.

*** Người tham gia tố tụng khác:**

- Người làm chứng:

+ Ông Đoàn Thế C; sinh năm 1964; (Vắng mặt).

+ Anh Đoàn Văn T; sinh năm 1994; (Vắng mặt).

+ Cháu Phạm Ngọc D; sinh ngày 28-5-2004; (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu D: Anh Phạm Văn P; sinh năm 1972; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn ra tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết và thường nói chuyện qua mạng xã hội với một người đàn ông tên là L (T không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể của người này) nên ngày 14-9-2021 T có nhắn tin với L hỏi mượn tiền, L đồng ý. Vào khoảng 14h30 phút cùng ngày, T một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu VIETTHAI sơn màu xanh BKS 18CA-01572 đi từ nhà T đến khu vực đường đê Bồi thuộc địa phận thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định để gặp L. Tại đây T đứng nói chuyện và hỏi vay của L số tiền 200.000đ để đi sửa điện thoại. L đồng ý và đưa cho T vay số tiền 200.000đ, đồng thời L đưa cho T 01 gói nhỏ có vỏ ngoài là lớp băng dính màu xanh, L nói với T gói nhỏ trên là ma túy đá và bảo T mang về để sử dụng. T đồng ý và cầm 200.000đ cùng gói ma túy L đưa, bỏ vào túi quần bên phải đang mặc để đem về nhà sử dụng, sau đó điều khiển xe mô tô đi ngược theo đường cũ về nhà. Khi T điều khiển xe đi được một đoạn thì bị Công an xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định đang làm nhiệm vụ phát hiện bắt quả tang và thu giữ 01 gói ma túy có đặc điểm vỏ ngoài là lớp băng dính màu xanh, bên trong là túi nilong màu trắng, trong cùng chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng; T khai nhận gói nhỏ trên là ma túy đá, T cất giấu trong người để sử dụng, Công an xã Đ, huyện V đã thu giữ và niêm phong gói ma túy trên trong phong bì thư ký hiệu M. Ngoài ra Công an còn thu giữ của T 01 xe mô tô nhãn hiệu VIETTHAI sơn màu xanh BKS 18CA-01572 và số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng)

Ngày 15-9-2021 Công an xã Đ đã bàn giao toàn bộ hồ sơ, vật chứng và Đỗ Dương T cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Nam Định để điều tra giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 13-10-2021, cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện V đã trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu VIETTHAI sơn màu xanh BKS 18CA-01572 chủ sở hữu hợp pháp là chị Lê Thị L.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trưng cầu giám định chất ma túy đối với vật chứng thu giữ ký hiệu M.

Tại bản kết luận giám định số 1233/GĐKTHS ngày 15-9-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định đã kết luận: Mẫu rắn dạng tinh thể màu trắng trong 01(một) túi nilong trong suốt được dán kín bằng băng dính màu xanh, được niêm phong ký hiệu M gửi giám định là ma túy. Loại ma túy: Methamphetamine. Khối lượng mẫu M: 0,622gam.

Tại bản cáo trạng số: 53/CT-VKSVB ngày 03-11-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Đỗ Dương T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo T trình bày bị cáo không nghiện ma túy và chưa bao giờ sử dụng ma túy, khi bị cáo được L cho vay tiền và cho 01 gói ma túy, do tò mò nên bị cáo cầm về để khi nào dùng thử, bị cáo rất ân hận về hành vi của mình và xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ buộc tội, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân, động cơ mục đích, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về điều luật: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Dương T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đỗ Dương T từ 06 tháng đến 09 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy đã thu giữ.

- Trả lại cho bị cáo số tiền 200.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Đỗ Dương T phải nộp theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo, bà Trần Thị N có ý kiến: Nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện đối với bị cáo T về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nhưng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất theo đại diện Viện kiểm sát đề nghị, tạo điều kiện cho bị cáo sớm được đoàn tụ với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện V; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Vật chứng thu giữ; Kết luận giám định; lời khai của bị cáo, của người làm chứng tại cơ quan điều tra do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 15 giờ 10 phút, ngày 14-9-2021 tại đường đê Bồi, thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định; Đỗ Dương T đã có hành vi tàng trữ trái phép trong người 0,622 gam Methamphetamine với mục đích để sử dụng thì bị Công an xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định phát hiện bắt quả tang. Đối chiếu hành vi mà bị cáo đã thực hiện với quy định của Bộ luật Hình sự thì hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố và luận tội hành vi của bị cáo T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy; ngoài ra còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương; bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của bị cáo.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình do đó bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo T khi phạm tội là người chưa thành niên, bị cáo mới 16 tuổi 13 ngày do đó Hội đồng xét xử sẽ áp dụng Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự để xử lý và quyết định hình phạt đối với bị cáo, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa

[5]. Về đường lối xử lý hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách

nhệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người chưa thành niên, mục đích tàng trữ ma túy để đích sử dụng do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn trả mẫu vật giám định.
- Đối với số tiền 200.000 đồng: Xét thấy đây là tài sản bị cáo vay của L về để sửa điện thoại, không liên quan đến hành vi tàng trữ ma túy của bị cáo, nên trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để bảo đảm thi hành án.
- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu VIETTHAI sơn màu xanh BKS 18CA-01572, qua xác minh là tài sản hợp pháp của chị Lê Thị L nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7]. Đối với người đàn ông tên L đã đưa ma túy cho T: Do bị cáo không biết được họ, tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người này, quá trình điều tra cũng chưa xác định được người này nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tách ra để tiếp tục điều tra xác minh xử lý sau là phù hợp.

[8]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Đỗ Dương T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.
- Xử phạt bị cáo Đỗ Dương T 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 9 năm 2021.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn lại đối tượng giám định, được niêm phong trong 01 phong bì của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định số 1223/GĐKTHS đề ngày 14-9-2021.
- Trả lại bị cáo Đỗ Dương T số tiền 200.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Đỗ Dương T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Y, huyện Y;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Gấm